

Dàn ý phân tích 16 câu đầu bài tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ (Trích Chinh phụ ngâm)

I. Mở bài

- Giới thiệu về tác giả Đặng Trần Côn và tác phẩm Chinh phụ ngâm
- Giới thiệu về đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ

II. Thân bài

1. 16 câu đầu: Nội cơ đơn, lẻ loi của người chinh phụ

a) 8 câu thơ đầu

- Không gian:

+ Hiên vắng: vắng vẻ, hiu quạnh

+ Khuê phòng: cô đơn, nhớ nhung

- Thời gian:

+ Đền: ban đêm, thời gian của tâm trạng

+ Hoa đèn: thời gian qua lâu gợi nỗi niềm khắc khoải

- Hành động của người chinh phụ:

+ Dạo – gieo từng bước: đi đi lại lại, quanh quanh, quần quần

⇒ Nỗi nhớ như ngưng đọng trong từng bước đi

+ Rủ thác: hành động vô thức, không có chủ đích

+ Nghe ngóng tin tức: nhớ mong, khao khát người chồng trở về

+ Giải bày, chia sẻ với ngọn đèn – vật vô tri vô giác

- Biện pháp nghệ thuật:

+ Điệp ngữ vòng: đèn biết chắng – đèn có biết, diễn tả tâm trạng buồn triền miên, kéo dài lê thê trong thời gian và không gian, dường như không bao giờ dứt, ngừng.

+ Câu hỏi tu từ: đèn biết chắng? ⇒ như một lời than thở, thể hiện nỗi khắc khoải đợi chờ và hi vọng luôn day dứt không yên trong người chinh phụ.

b) 8 câu thơ còn lại

- Cảnh vật thiên nhiên:

+ Gà eo óc gáy – sương năm trống: gà gáy báo hiệu canh năm, báo hiệu người vợ trẻ xa chồng đã thao thức suốt đêm

⇒ Tiếng gà khắc khoải như xoáy sâu vào tính chất tĩnh lặng của không gian, đồng thời cũng xoáy sâu vào tâm trạng người chinh phụ

+ Hòe phát phơ: cảnh vật quạnh hiu

- Cảm thức của người chinh phụ về thời gian:

+ Hòe: bóng cây hòe ngoài sân, trong vườn ngắn rồi lại dài, dài rồi lại ngắn, thể hiện sự trôi đi của thời gian – thời gian của xa cách và nhớ thương

+ Thời gian của tâm trạng:

Khắc, giờ ----- niên

Mối sầu ----- biển xa

- Hành động của người chinh phụ:

+ Đốt hương tìm sự thanh thản nhưng tình cảm lại mê man theo những suy nghĩ viển vông, khắc khoải, những dự cảm chằng lành

+ Soi gương nhưng chỉ thấy hiện lên đó gương mặt đau khổ đầm đìa nước mắt.

+ Gượng gầy đàn sắt đàn cầm để ôn lại kỉ niệm vợ chồng nhưng lại lo lắng có điềm gờ. Sự lo lắng không chỉ cho thấy nỗi cô đơn mà còn cho thấy niềm khát khao hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ.

⇒ Sự mâu thuẫn giữa cảm xúc và lí trí

⇒ 16 câu thơ đầu thể hiện tình cảnh lẻ loi, nỗi cô đơn sầu muộn của người chinh phụ.

2. Nỗi nhớ thương chồng của người chinh phụ

a) 6 câu thơ đầu

- Hình ảnh thiên nhiên:

+ Gió đông: gió mùa xuân, gió báo tin vui, thể hiện sự sum họp, đoàn viên.

+ Non Yên: núi Yên Nhiên, nơi phương bắc xa xăm – nơi người chồng đang chinh chiến.

- Biện pháp nghệ thuật

+ Hình ảnh ước lệ: non Yên.

+ Điệp ngữ vòng: non Yên, trời

+ Từ láy: thăm thẳm, đau đáu.

⇒ Không gian vô tận, mênh mông, không giới hạn, không chỉ là không gian vô tận ngăn cách hai vợ chồng, mà còn là nỗi nhớ không nguôi, không tính đếm được của người chinh phụ, là tình yêu thương của người vợ nơi quê nhà.

b) 2 câu còn lại

- Hai câu thơ mang tính khái quát, triết lí sâu sắc

- Lời thơ chuyển sang độc thoại nội tâm, trực tiếp bày tỏ nỗi lòng người chinh phụ với hình ảnh người chinh phu tràn ngập trong tâm tưởng.

⇒ 8 câu thơ cuối như lời gửi gắm nỗi niềm thương nhớ khôn nguôi đến người chồng nơi biên ải xa xôi.

III. Kết bài

- Khái quát lại giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.
- Liên hệ với số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến có chồng đi lính

Các bài văn mẫu phân tích 16 câu đầu Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ

Dưới đây là các bài văn mẫu phân tích 16 câu thơ đầu bài tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ mà chúng tôi đã chọn lọc để các quý phụ huynh và các em học sinh tham khảo

Bài văn mẫu 1: Phân tích tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ 16 câu đầu ngắn gọn

Đặng Trần Côn là một tác giả văn học nổi tiếng sống vào khoảng nửa đầu thế kỉ XVIII. Đây là một giai đoạn lịch sử đầy biến động nên của đất nước khi mà chiến tranh đã làm chia cắt bao gia đình. Có biết bao nhiêu cặp vợ chồng vừa xây dựng hạnh phúc lứa đôi đã phải chia tay để chồng đi chinh chiến phương xa. Từ sự cảm thương với số phận con người trong thời chiến, ông đã viết nên tác phẩm "Chinh phụ ngâm". Đoạn trích "Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ" là một trong những đoạn trích tiêu biểu nói về tâm trạng cô đơn, lẻ bóng của người vợ trẻ khi chồng ra trận vắng nhà.

Ngay từ tám câu thơ đầu, tác giả đã mở ra một tâm trạng cô đơn, lẻ bóng của người chinh phụ

Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước,

Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.

Ngoài rèm thước chẳng mách tin,

Trong rèm dường đã có đèn biết chăng ?

Đèn có biết, dường bằng chẳng biết,

Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.

Buồn rầu nói chẳng nên lời,

Hoa đèn kia với bóng người khá thương !

Nỗi cô đơn của người chinh phụ đã được thể hiện trước hết qua hành động một mình nàng dạo hiên vắng. Buông rèm rồi lại cuốn rèm không biết bao nhiêu lần. Hành động này thể hiện sự bối rối, tâm trạng thất thần nhớ nhung khiến cho người phụ nữ còn không thể kiểm soát được hành động của mình. Đó là tâm trạng chờ đợi mong ngóng, tin tức người chồng phương xa. Nỗi buồn nỗi cô đơn của người chinh phụ còn được diễn tả qua sự đối bóng của người với ngọn đèn khuya.

Đèn có biết, dường bằng chẳng biết,

Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.

Hai câu thơ được tác giả viết hình thức câu hỏi tu từ, thể hiện tâm trạng bế tắc của người chinh phụ. Nàng hỏi đèn để mong muốn tìm được một sự đồng cảm, sẻ chia, nhưng rồi tự trả lời rằng đèn không biết. Hình ảnh ngọn đèn cùng với nỗi lòng của người chinh phụ như càng góp phần khẳng định nỗi buồn triền miên, cô đơn, không ai chia sẻ.

Đoạn thơ 8 câu cuối có sự chuyển đổi tinh tế để phù hợp với diễn biến tâm trạng của người chinh phụ. Từ những lời tự sự miêu tả nội tâm, đến đoạn thơ này có sự kết hợp giữa ngôn ngữ nhân vật và ngôn ngữ của tác giả.

Gà eo óc gáy sương năm trống,

Hoè phất phơ rủ bóng bốn bên.

Khắc giờ đằng đẵng như niên,

Mối sầu dằng dặc tựa miền bể xa.

Hương gượng đốt, hồn đà mê mải,

Gương gượng soi, lệ lại chứa chan.

Sắt cầm gượng gảy ngón đàn,

Dây uyên kinh đứt, phím loan ngại chùng.

Đoạn thơ này, tác giả chủ yếu sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình, tức là dùng ngoại cảnh để miêu tả tâm trạng nhân vật, dùng cái chủ quan để miêu tả cái khách quan. Vì thế, trong bài thời gian

vật lí đã biến thành thời gian tâm lí. Tiếng "gà eo óc gáy" là âm thanh báo hiệu năm canh và bóng cây "hòe" tĩnh mịch trong đêm nhằm làm tăng ấn tượng vắng vẻ, cô đơn đáng sợ.

Trong tâm trạng chờ đợi mỏi mòn đó người chinh phụ thấy thời gian trôi qua một cách chậm chạp, một khắc một giờ mà giống như một năm.

Và để giải tỏa nỗi niềm sầu muộn, người chinh phụ đã biết tìm đến những thú vui tao nhã thường ngày: "soi gương, đốt hương, gảy đàn". Nhưng tất cả chỉ làm trong sự gương gạo, miễn cưỡng chán chường.

Thành công của đoạn trích này là ở khả năng miêu tả tâm lí nhân vật vô cùng tinh tế với bút pháp tả cảnh ngụ tình quen thuộc của văn học trung đại và sử dụng hàng loạt các biện pháp tu từ: câu hỏi tu từ, điệp từ, điệp ngữ...

Chỉ với 16 câu thơ đầu, tác giả đã thể hiện được tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ. Toàn bộ tác phẩm *Chinh phụ ngâm* được xem là tiếng kêu thương của người phụ nữ nhớ thương người chồng chinh chiến phương xa.

Bài văn mẫu 2: Văn mẫu phân tích 16 câu thơ đầu bài tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ

Có thể nói, ở mỗi thời đại, văn học đều là tấm gương phản chiếu lên được mặt tốt và mặt xấu của xã hội. Khai thác và đào sâu vào những vấn đề thuộc về nội tâm của con người. Tác phẩm "*Chinh phụ ngâm*" là một điển hình tiêu biểu như thế, đặc biệt là mười sáu câu đầu đoạn trích "*Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*". Đoạn trích phản ánh lên tội ác của những cuộc chiến tranh phi nghĩa đã làm cho người chinh phụ phải rơi vào tình cảnh cô đơn lẻ loi, tâm trạng đau khổ khắc khoải khôn nguôi. Hãy cùng thả lòng mình đến với 16 câu đầu đoạn trích "*Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*" để cảm nhận rõ nét hơn nỗi cô đơn của người vợ có chồng đi chinh chiến.

Đoạn trích ra đời vào thế kỉ XVIII. Đầu đời vua Lê Hiển Tông, triều đình sai quân đánh dẹp, nhiều trai tráng trong làng phải từ giã người thân ra trận. Khi ấy, cảm nhận được nỗi khổ của những người nông dân, đặc biệt là người vợ lính. Đặng Trần Côn đã viết nên tác phẩm, bằng chữ Hán là một khúc ngâm đầy cảm xúc.

Đoạn trích "*Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*" nằm từ câu 193 -216 và từ câu 228 - 252 trong nguyên tác. Khi vừa ra đời tác phẩm đã nhận được rất nhiều sự chú ý từ những nhà yêu thơ, đã

có nhiều bản dịch ra chữ Nôm, nhưng bản dịch hiện tại là thành công nhất được viết theo thể song thất lục bát là thể thơ thuần túy của người Việt Nam. Nhưng sau khi bản dịch ra đời lại có tranh cãi rằng bản dịch đấy là của Phan Huy Ích hay Đoàn Thị Điểm. Phần lớn cho rằng là của Đoàn Thị Điểm bởi bà cũng có hoàn cảnh giống như người chinh phụ (bà có chồng đi sứ ở Trung Quốc). Mười sáu câu đầu đoạn trích là khung cảnh người chinh phụ chờ đợi chồng trong hoàn cảnh u buồn, đơn độc. Những hành động được tiếp diễn đưa cảm xúc lên cao trào.

Mở đầu cho cảm xúc cô đơn, đau buồn kéo dài theo không gian và thời gian vô tận là hành động chậm rãi:

*"Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước,
rèm thưa rủ thác đòi phen."*

Hành động được hiện ra với dáng vóc đầy suy tư của người chinh phụ. Nhịp thơ nhẹ nhàng, như để đi vào cảm xúc. Những động từ "dạo, gieo từng bước", cho thấy những bước chân nặng nề mang đầy tâm trạng băng khuâng, lo lắng, không gian im lặng đến mức nghe từng tiếng bước chân. Người chinh phụ dường như đang suy nghĩ trăm trở nên nàng "ngồi" mà lòng thì chẳng để tâm. Tác giả đã sử dụng hình ảnh "rủ thác đòi phen" - kéo màn lên rồi lại buông màn xuống. Để cho thấy hành động lặp đi lặp lại vô nghĩa. Và rồi dường như có tiếng thầm thì trách móc:

*"Ngoài rèm thước chẳng mách tin,
Trong rèm dường đã có đèn biết chăng.
Đèn có biết dường bằng chẳng biết,
Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi."*

Người chinh phụ bắt đầu giải bày nỗi niềm tâm sự của mình. Thực sự nàng đang rất nhớ người chinh phu điều đó được thể hiện rõ nét qua hình ảnh "chim thước" - chim khách, là loài chim thường mang tin tốt lành. Nàng trách chim thước chẳng báo một chút tin tức nào của người chồng, để nàng phải đợi mong, cô đơn khắc khoải. Nghệ thuật đối lập "ngoài rèm" và "trong rèm" để cho thấy nỗi cô đơn ấy bao trùm tất cả không gian bên trong và bên ngoài phòng khuê. Và nàng cũng cần lắm một người tâm sự cùng mình.

"Đèn" được nhà thơ nhân hóa lên như một người bạn. Nếu với "Ca dao yêu thương tình nghĩa": "Đèn thương nhớ ai mà đèn không tắt" chiếc đèn nguyện cùng cô gái thao thức suốt đêm mộng mơ nhớ thương, thì với Chinh phụ ngâm chiếc đèn lại phù phàng với người phụ nữ lẻ loi ấy. "Đèn" đã tắt khi người chinh phụ đang cần lắm sự sẻ chia, "đèn" đã làm cho người chinh phụ nhận ra rằng "dù thế nào thì đèn cũng chỉ là vật vô tri vô giác" chẳng thể chia sẻ cùng nàng được.

Tác giả đã sử dụng câu hỏi tu từ "Trong rèm dường đã có đèn biết chăng?" như muốn cho người đọc cảm nhận người chinh phụ đã đi qua từng cảm xúc. Và đến khi tuyệt vọng nàng đã nói một câu mà nghe như xé lòng: Lòng thiếp riêng bi thiếp mà thôi" nàng xin nhận hết và chịu đựng hết nỗi cô đơn cho riêng mình. Bởi vì chẳng có ai bên cạnh để nàng chia sẻ. Biết bao nỗi niềm chất chứa chẳng nói thành lời:

"Buồn rầu nói chẳng nên lời,

Hoa đèn kia với bóng người khá thương."

Nỗi buồn u ám dưới màn đêm, nỗi buồn mà ngay cả nàng cũng chẳng thể nói nên lời được. Có lẽ do nỗi buồn ấy quá lớn và nó lại hiện lên mỗi ngày. Nghệ thuật so sánh "Hoa đèn" với "bóng người", người chinh phụ nhìn hoa đèn mà nghĩ đến cuộc đời của mình có mau lụi tàn như chiếc hoa đèn kia hay không? Hay còn hẩm hiu hơn thế nữa? Càng nghĩ nàng càng thấy buồn, dường như lúc này cảnh vật cũng rũ xuống một màu đen tối:

"Gà eo óc gáy sương năm trống,

Hoè phất phơ rủ bóng bốn bên.

Khắc giờ đằng đẵng như niên,

Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa."

Trời đã khuya, không gian yên tĩnh, nghe từng tiếng gà gáy. Âm thanh vang lên "eo óc" thưa thớt, hình ảnh hoa hòe "rủ bóng bốn bên", thời khắc cảnh vật mỗi mòn chìm vào đêm tối. Đã qua hết năm canh mà người chinh phụ vẫn còn thao thức với nỗi sầu khó vơi đi được. Sự so sánh "khắc giờ" như "niên", một giờ dài bằng một năm, điều đó càng tô đậm hơn nỗi cô đơn. Thời gian cũng kéo dài cùng với nỗi sầu muộn của nàng. Cùng với từ láy "đằng đẵng", "dằng dặc" cho thấy sự kéo dài triền miên đau đớn cứ mãi day dứt trong lòng. Nghệ thuật lấy động tả tĩnh làm nổi bật

lên không gian, thời gian, lấy cái xa của biển cả để nói về cái buồn của lòng người là một cách miêu tả đầy tinh tế. Tiếp đến nàng muốn tìm những thú vui tao nhã, tập cách quên đi nỗi buồn trước mắt:

"Hương gượng đốt hồn đà mê mải,

Gương gượng soi lệ lại châu chan.

Sắt cầm gượng gảy ngón đàn,

Dây uyên kinh đứt phím loan ngại chùng."

Nhưng nàng chẳng biết rằng những thú vui tao nhã này lại khi nàng chìm đắm vào nỗi sầu miên man. Khi đốt hương, hồn nàng lại rơi vào trạng thái mơ màng, nỗi sầu lại theo đó mà dâng lên. Rồi khi soi gương để tô son điểm phấn, nàng lại càng xót xa cho thân phận của mình, nhan sắc của một người phụ nữ đang dần phai mòn đi theo những tháng ngày lẻ loi, không có chồng bên cạnh để làm điểm tựa. Khi đánh đàn nàng lại sợ "dây uyên đứt", "phím loan chùng" nàng sợ những điều không may xảy đến cuộc tình của nàng. Biết bao nỗi đau đau, nỗi sợ bủa vây lấy nàng. Điệp từ "gượng" được lặp lại ba lần cho thấy sự miễn cưỡng trong hành động. Cũng chỉ vì quá cô đơn, muốn quên đi mà nàng mới làm. Nhưng dù có thú vui tao nhã đến đâu, dù tô son điểm phấn hay đánh đàn thì cũng chẳng bao giờ nàng cảm thấy vui, bởi vì ngay lúc này với nàng là nỗi cô đơn mong mỗi chồng từ nơi chinh chiến sẽ trở về, mong được nghe một lời động viên an ủi từ người chồng của mình. Nhưng tất cả đều không!

Bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình, sử dụng những điệp từ, so sánh nhiều hình ảnh để vẽ ra khung cảnh của người chinh phụ mang nhiều tâm trạng. Sự cô đơn, lẻ loi của người phụ nữ trong đêm tối. Và khi hình ảnh buồn khổ ấy hiện lên chân thực đến đâu thì càng vạch trần cái tội ác xấu xa của chiến tranh phi nghĩa đẩy biết bao gia đình rơi vào cảnh chia lìa. Mà niềm cảm thông lớn nhất là dành cho người chinh phụ, là phụ nữ nhưng họ phải hi sinh tuổi xuân để chờ chồng mà chẳng có chút tin tức, không có ai chia sẻ những nỗi buồn. Từ đây cho ta thấy được cách chọn đề tài của Đặng Trần Côn rất mới mẻ, phù hợp với thời đại lúc bấy giờ. Cách miêu tả nội tâm đầy sắc sảo của ông, cho thấy ông là một người có vốn sống rất rộng. Đồng thời là sự sắc sảo trong cách dùng từ của hai dịch giả Đoàn Thị Điểm và Phan Huy Ích đã tạo nên đoạn trích "*Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*" rất thành công.

Thông qua mười sáu câu đầu của đoạn trích "*Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*" càng giúp ta hiểu rõ nét hơn những nỗi cô đơn của người phụ nữ trong xã hội cũ khi có chồng đi chinh chiến. Nó là nỗi cô đơn da diết kéo dài theo không gian thời gian. Từ đó cho thấy hậu quả của chiến tranh phong kiến phi nghĩa. Và là lời ca ngợi cho tác giả Đặng Trần Côn, ông quả là một nhà thơ tài năng và tác phẩm của ông đã chạm đến trái tim của độc giả và vượt qua hàng trăm năm, nhưng mỗi lần nhắc về những tác phẩm chữ Hán, người ta sẽ nghĩ ngay đến "*Chinh phụ ngâm*". Ông đã để lại cho nền văn học nước nhà một áng văn hay.